

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2026/HNGĐ-ST
Ngày 10-9-2026
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phương Anh Tư

Bà Dương Thị Thúy Quỳnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Mừng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Chu Xuân Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 253/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2026 về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung và đòi tài sản khi ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2026/QĐXX-ST ngày 21 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn* chị Chu Thị L, sinh năm 1996

Căn cước công dân số: xxxxxxxxxxxx; ngày cấp: 29/7/2021; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt .

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Chu Bích T là Trợ giúp viên pháp lý của trung tâm T2, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. *Bị đơn* anh Phùng Văn H, sinh năm 1991

Căn cước công dân số: xxxxxxxxxxxx; ngày cấp: 25/04//2021; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Mai Xuân T1 là Trợ giúp viên pháp lý của trung tâm T2, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:* Bà Hoàng Thị B, sinh năm 1964.

Căn cước công dân số: xxxxxxxxxxxxxx; ngày cấp: 25/4//2021; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Bà Nông Thị K là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm T2, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Chu Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị L kết hôn với anh Phùng Văn H vào năm 2015, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, không bị ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn, thời gian đầu tình cảm vợ chồng đối xử với nhau bình thường, quá trình chung sống đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Phùng Văn H không tu chí làm ăn, thường xuyên hay đi uống rượu say về nhà hay chửi mắng và đánh chị. Việc anh Phùng Văn H thường xuyên đi uống rượu say chị đã nhiều lần khuyên bảo, gia đình hai bên cũng nhiều lần khuyên bảo nhưng anh H không nghe, càng ngày anh Phùng Văn H càng uống rượu nhiều. Đến cuối năm 2024, đầu năm 2025 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tại thôn P, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn ở, hiện nay chị đang đi làm thuê ở tỉnh Bắc Ninh, những lần được nghỉ chị cũng về nhà bố mẹ đẻ ở, từ ngày vợ chồng ly thân, anh Phùng Văn H chưa bao giờ đến nói chuyện hay bảo chị quay về nhà với anh, vợ chồng không ai còn quan tâm gì đến nhau. Nay xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Phùng Văn H, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phùng Văn H.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Phùng Thị Mỹ H1, sinh ngày 02/11/2016, hiện nay đang ở với chị Chu Thị L. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh Phùng Văn H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị đang đi làm thuê mức thu nhập trung bình từ 11.000.000 đồng/tháng đến 14.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về việc đòi tài sản của bà Hoàng Thị B: Vào năm 2023 bà Hoàng Thị B có đưa cho chị Chu Thị L số tiền 30.000.000 đồng để đi gửi tiết kiệm ở Ngân hàng, việc bà Hoàng Thị B đưa tiền cho chị anh Phùng Văn H cũng biết, sau đó anh Phùng Văn H có được đưa chị đi gửi tiết kiệm ở Ngân hàng L1 chi nhánh V, chị là người đứng tên người gửi, sau đó do chị bị bệnh nên chị đã đi rút hết số tiền gốc và lãi về để mua thuốc chữa bệnh. Hiện nay, bà Hoàng Thị B yêu cầu chị trả hết số tiền 30.000.000 đồng thì chị không đồng ý, chị chỉ đồng ý trả cho bà Hoàng

Thị B 15.000.000 đồng vì trong quá trình chung sống với gia đình nhà chồng chị cũng có công sức đóng góp trong việc tu sửa nhà, bỏ tiền ra để thuê người trồng cây keo, mua giống...đến năm 2025 khi gia đình thu hoạch đồi keo được 100.000.000 đồng thì gia đình nhà chồng chị cầm hết tiền, không chia cho chị một đồng nào. Trường hợp ly hôn với anh Phùng Văn H, chị chỉ nhất trí trả cho bà Hoàng Thị B số tiền 15.000.000 đồng. Tại phiên hòa giải, giữa chị Chu Thị L với bà Hoàng Thị B đã thỏa thuận được với nhau về việc trả số tiền trên, chị đã thanh toán xong cho bà Hoàng Thị B, chị đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận giữa chị với bà Hoàng Thị Bích .

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Phùng Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phùng Văn H và chị Chu Thị L được tìm hiểu nhau và yêu nhau, anh chị đi tới hôn nhân và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn (nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Lạng Sơn). Việc kết hôn là tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc. Sau kết hôn anh chị cùng nhau sống tại nhà bố mẹ anh tại thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn nay là thôn Bản Hèo, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn, cuộc sống vợ chồng bình thường, không có mâu thuẫn. Việc mâu thuẫn phát sinh từ khoảng tháng 8, tháng 9 của năm 2024, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Chu Thị L đi làm công ty ở Bắc Ninh, những lần được nghỉ không chịu về nhà với anh mà chỉ về nhà đón con rồi về nhà bố mẹ đẻ ở tại thôn P, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn, vợ chồng bắt đầu quan điểm, có cãi chửi nhau, nhưng không đánh nhau. Từ lúc chị Chu Thị L không về nhà ở cùng anh, anh cũng đã nhiều lần bảo chị Chu Thị L về nhà ở cùng anh, nhưng chị Chu Thị L không chịu và cũng không gửi tiền về nuôi con, chị Chu Thị L không còn quan tâm gì đến anh và gia đình, bản thân anh vẫn nhắn tin và gọi điện cho chị Chu Thị L nhưng chị Chu Thị L đã chặn số điện thoại của anh nên anh cũng không còn liên lạc được với chị Chu Thị L. Nay chị Chu Thị L yêu cầu ly hôn với anh thì anh không nhất trí ly hôn, vì anh vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị Chu Thị L; anh Phùng Văn H chỉ nhất trí ly hôn với chị Chu Thị L nếu chị Chu Thị L đồng ý cho anh được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Về con chung: Có một người con chung tên là Phùng Thị Mỹ H1, sinh ngày 02/11/2016 trước đó thì con chung vẫn ở với anh, từ khi cháu được nghỉ hè năm 2026 (tháng 6/2026) thì chị Chu Thị L đã về đón con xuống tỉnh Bắc Ninh ở cùng. Trường hợp phải ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung đến khi đủ 18 tuổi, anh không yêu cầu chị Chu Thị L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay anh đang ở nhà làm ruộng, trồng cây rừng mức thu nhập trung bình hàng tháng khoảng 5.000.000 đồng/tháng đến 6.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Không có

Về vay nợ chung: Không có.

Đối với yêu cầu đòi tài sản của bà Hoàng Thị B: Vào khoảng tháng 8/2024 mẹ anh là bà Hoàng Thị B, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn B, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn có đưa cho chị Chu Thị L số tiền 30.000.000 đồng để đi gửi tiết kiệm ở Ngân hàng. Sau khi mẹ anh đưa tiền thì bản thân anh có được đưa chị Chu Thị L đến Ngân hàng để làm thủ tục gửi tiết kiệm tại thị trấn T, huyện V (cũ), tuy nhiên tên Ngân hàng gửi là gì thì anh không nhớ. Chị Chu Thị L là người đứng tên gửi số tiền tiết kiệm trên. Việc mẹ anh đưa tiền cho chị Chu Thị L không có giấy tờ gì, vì do mẹ anh tin tưởng chị Chu Thị L. Trường hợp phải ly hôn, anh nhất trí với yêu cầu của bà Hoàng Thị B, yêu cầu chị Chu Thị L phải có trách nhiệm trả lại cho bà Hoàng Thị B toàn bộ số tiền gốc 30.000.000 đồng, còn số tiền lãi thì không yêu cầu chị Chu Thị L phải trả. Tại phiên hòa giải giữa chị Chu Thị L với bà Hoàng Thị B đã thỏa thuận và thanh toán cho nhau xong, nên anh không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, bà Hoàng Thị B trình bày:

Bà Hoàng Thị B là mẹ đẻ của anh Phùng Văn H và là mẹ chồng của chị Chu Thị L. Gia đình bà có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương cho vợ chồng anh Phùng Văn H và chị Chu Thị L vào năm 2015. Sau khi kết hôn hai vợ chồng anh Phùng Văn H và chị Chu Thị L ở chung với gia đình bà, năm 2017 chị Chu Thị L đi làm công ty ở Bắc Ninh, thời gian đầu chị Chu Thị L những lần được nghỉ vẫn về nhà bình thường, đến năm 2024 thì chị Chu Thị L không còn về nhà nữa, những lần được nghỉ ở công ty về chỉ qua nhà đón con rồi đi về nhà bố mẹ đẻ ở tại thôn P, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn. Việc vợ chồng chị Chu Thị L có mâu thuẫn với nhau hay không, nguyên nhân của việc mâu thuẫn vợ chồng như thế nào thì bà cũng không biết rõ, chỉ thấy từ tháng 8/2024 đến nay vợ chồng đã ly thân, chị Chu Thị L không còn quan tâm, hỏi thăm gì đến anh Phùng Văn H và gia đình bà nữa. Hiện nay chị Chu Thị L yêu cầu được ly hôn với anh Phùng Văn H thì bà không có ý kiến gì, do các con quyết định.

Về con chung: Giữa chị Chu Thị L với anh Phùng Văn H có 01 người con chung tên là Phùng Thị Mỹ H1, sinh ngày 02/11/2016, từ lúc được nghỉ hè (tháng 6/2026) đến nay chị Chu Thị L đã đón đi xuống Bắc Ninh ở cùng chị Chu Thị L. Trường hợp vợ chồng anh Phùng Văn H với chị Chu Thị L ly hôn thì bà có ý kiến đề nghị Tòa án giao con chung cho anh Phùng Văn H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung; bà sẽ có trách nhiệm hỗ trợ, giúp đỡ anh Phùng Văn H trong việc nuôi dưỡng và chăm sóc con.

Về tài sản chung vợ chồng: Anh Phùng Văn H và chị Chu Thị L không có tài sản chung gì.

Về nợ chung: Anh Phùng Văn H với chị Chu Thị L có nợ ai hay cho ai vay nợ gì không thì bà không biết.

Việc đòi tài sản của bà đối với chị Chu Thị L: Vào khoảng tháng 8/2024 bà có đưa cho chị Chu Thị L số tiền 30.000.000 đồng là tiền do bà bán trâu để chị Chu Thị L mang đi gửi tiết kiệm ở Ngân hàng. Do bà đã lớn tuổi và không biết

chữ nên mới nhờ chị Chu Thị L mang đi gửi Ngân hàng giúp, bà đồng ý cho chị Chu Thị L đứng tên gửi tiết kiệm ở Ngân hàng, bà có đưa tiền trực tiếp cho chị Chu Thị L cầm và hai vợ chồng chị Chu Thị L và anh Phùng Văn H được đeo nhau mang đi gửi tiết kiệm. Việc chị Chu Thị L gửi tiết kiệm số tiền trên ở Ngân hàng nào thì bà không biết, do bà cũng đồng ý cho chị Chu Thị L đứng tên trên sổ tiết kiệm nên sau khi đi gửi tiết kiệm bà cũng không yêu cầu chị Chu Thị L phải đưa lại Giấy tờ, sổ tiết kiệm lại cho bà. Việc bà đưa tiền cho chị Chu Thị L số tiền 30.000.000 đồng để đi gửi tiết kiệm không có giấy tờ gì, vì bà hoàn toàn tin tưởng chị Chu Thị L. Do hiện nay chị Chu Thị L vẫn đang là người quản lý sổ tiền trên nên trường hợp giữa anh Phùng Văn H và chị Chu Thị L phải ly hôn, bà yêu cầu chị Chu Thị L phải có trách nhiệm trả lại cho bà toàn bộ số tiền gốc 30.000.000 đồng, còn số tiền lãi thì không yêu cầu chị Chu Thị L phải trả mà bà đồng ý cho chị Chu Thị L được nhận số tiền lãi phát sinh. Tại phiên hòa giải, chị Chu Thị L đưa ra ý kiến chỉ nhất trí trả cho bà số tiền 15.000.000 đồng thì bà cũng đồng ý và chị Chu Thị L đã thanh toán xong cho bà số tiền trên, hiện nay bà không có yêu cầu gì nữa.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, cả nguyên đơn và bị đơn không thống nhất được với nhau về quan hệ hôn nhân và con chung.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Nhất trí với yêu cầu của nguyên đơn chị Chu Thị L, đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Chu Thị L được ly hôn với anh Phùng Văn H. Về con chung: Khi ly hôn, giao con chung là cháu Phùng Thị Mỹ H1, sinh ngày 02/11/2016 cho chị Chu Thị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi; anh Phùng Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có. Đối với yêu cầu đòi tài sản của bà Hoàng Thị B, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa chị Chu Thị L với bà Hoàng Thị B và xác nhận chị Chu Thị L đã thanh toán xong cho bà Hoàng Thị B số tiền 15.000.000 đồng. Về án phí: Do chị Chu Thị L là dân tộc thiểu số, sinh sống tại xã Đ, tỉnh Lạng Sơn là xã có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn nên đề nghị được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Nhất trí với ý kiến của bị đơn anh Phùng Văn H. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Chu Thị L. Về con chung: Trường hợp phải ly hôn, giao con chung là cháu Phùng Thị Mỹ H1, sinh ngày 02/11/2016 cho anh Phùng Văn H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi; chị Chu Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Vì hiện nay chị Chu Thị L không có chỗ ở ổn định, vẫn phải ở nhờ nhà bố đẻ, bản thân chị Chu Thị L đang đi làm thuê, không trực tiếp ở nhà chăm sóc con chung. Về tài sản chung: Không có. Về nợ chung: Không có. Đối với yêu cầu đòi tài sản của bà Hoàng Thị B, nhất trí với sự thỏa thuận giữa bà Hoàng Thị B với chị Chu Thị L.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Nhất trí với ý kiến trình bày của bà Hoàng Thị B, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa bà Hoàng Thị B với chị Chu Thị L về việc chị Chu Thị L có trách nhiệm trả cho bà Hoàng Thị B số tiền gốc là 15.000.000 đồng, bà Hoàng Thị B không yêu cầu chị Chu Thị L phải trả lãi. Xác nhận chị Chu Thị L đã thanh toán xong cho bà Hoàng Thị Bích .

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 48, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn chị Chu Thị L; bị đơn anh Phùng Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Hoàng Thị B đã chấp hành, thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự như: Thực hiện quyền khởi kiện; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình; có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị Chu Thị L được ly hôn với anh Phùng Văn H. Về con chung: Có 01 con chung tên là Phùng Thị Mỹ H1, sinh ngày 02/11/2016. Khi ly hôn, giao con chung chị Chu Thị L được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi, anh Phùng Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung; anh Phùng Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Đối với yêu cầu đòi tài sản của bà Hoàng Thị B: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Chu Thị L với bà Hoàng Thị B, cụ thể chị Chu Thị L có trách nhiệm trả cho bà Hoàng Thị B số tiền 15.000.000 đồng, chị Chu Thị L không phải chịu lãi suất. Xác nhận chị Chu Thị L đã thanh toán xong cho bà Hoàng Thị Bích .

Về án phí: Buộc chị Chu Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Chu Thị L khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Phùng Văn H. Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị B yêu cầu đòi tài sản (tiền) đối với nguyên đơn chị Chu Thị L. Vì vậy, quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh

chấp nuôi con khi ly hôn và đòi tài sản" theo khoản 2 Điều 26 và khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Phùng Văn H có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ theo quy định của pháp luật.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 và Điều 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tình cảm: Quan hệ hôn nhân giữa chị Chu Thị L và anh Phùng Văn H là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 14/9/2015 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Chu Thị L và anh Phùng Văn H là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị Chu Thị L là do anh Phùng Văn H không tu chí làm ăn, hay uống rượu; còn anh Phùng Văn H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do chị Chu Thị L đi làm công ty, những lúc được nghỉ chị Chu Thị L không chịu về nhà cùng anh, vợ chồng bất đồng quan điểm; cả hai anh chị đều thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân từ năm cuối năm 2024 đến nay, không ai còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống.

[4] Xác định tình trạng hôn nhân giữa chị Chu Thị L và anh Phùng Văn H thấy rằng: Tuy anh Phùng Văn H không nhất trí về việc chị Chu Thị L có đơn xin ly hôn với anh, anh Phùng Văn H chỉ đồng ý ly hôn khi chị Chu Thị L nhất trí để anh được trực tiếp nuôi con chung, điều đó thể hiện anh Phùng Văn H không còn tình cảm vợ chồng với chị Chu Thị L; vợ, chồng đã sống ly thân; không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; tình trạng hôn nhân giữa chị Chu Thị L và anh Phùng Văn H đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị Chu Thị L là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Chị Chu Thị L và anh Phùng Văn H có 01 con chung là Phùng Thị Mỹ H1, sinh ngày 02/11/2016. Khi ly hôn chị Chu Thị L yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không yêu cầu anh Phùng Văn H cấp dưỡng nuôi con chung. Còn anh Phùng Văn H quá trình giải quyết vụ án có ý kiến, trường hợp phải ly hôn anh yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu chị Chu Thị L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, cả chị Chu Thị L và anh Phùng Văn H đều có điều kiện nuôi con chung, tuy nhiên từ tháng 6 năm 2026 đến nay cháu Phùng Thị Mỹ H1 đang ở cùng với chị Chu Thị L, quá trình giải quyết vụ án cháu Phùng Thị Mỹ H1 có nguyện vọng ở với mẹ, mặc dù chị Chu Thị L đang đi làm công ty nhưng vẫn có thời gian và điều kiện thường xuyên quan tâm, chăm sóc con, có căn cứ thể hiện mức thu nhập ổn định để đảm bảo nuôi dưỡng con. Ngoài ra, cháu Phùng Thị Mỹ H1 là con gái nên việc chăm sóc của người mẹ phù hợp với tâm sinh lý của cháu

hơn. Còn anh Phùng Văn H mặc dù ở nhà, nhưng từ tháng 6 năm 2026 anh Phùng Văn H không còn trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phùng Thị Mỹ H1, hiện nay anh Phùng Văn H ở nhà làm ruộng, trồng cây rừng theo anh Phùng Văn H cho rằng mức thu nhập trung bình của anh là từ 5.000.000 đồng/tháng đến 6.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên tại văn bản số 1584/UBND-KT ngày 09 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Lạng Sơn v/v cung cấp thông tin mức thu nhập trung bình của người lao động trên địa bàn xã là 3.387.500 đồng/tháng, với mức thu nhập như trên thì việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của anh Phùng Văn H là không đảm bảo. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu về con chung của chị Chu Thị L là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, nên cần chấp nhận, khi ly hôn giao con chung là cháu Phùng Thị Mỹ H1, sinh ngày 02/11/2016 cho chị Chu Thị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi; anh Phùng Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do chị Chu Thị L không yêu cầu. Anh Phùng Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[6] Về tài sản chung: Chị Chu Thị L và anh Phùng Văn H quá trình giải quyết vụ án trình bày là không yêu cầu Tòa án giải quyết và không có. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung của vợ chồng: Không có.

[8] Đối với yêu cầu đòi tài sản của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị B yêu cầu chị Chu Thị L trả số tiền 30.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, giữa chị Chu Thị L và bà Hoàng Thị B đã thỏa thuận được với nhau, cụ thể chị Chu Thị L sẽ có trách nhiệm trả cho bà Hoàng Thị B số tiền 15.000.000 đồng; xác nhận chị Chu Thị L đã thanh toán xong (Theo Giấy biên nhận ngày 21/8/2026). Xét thấy việc thỏa thuận giữa các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận đó.

[9] Đối với ý kiến đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận. Đối với ý kiến đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là không có căn cứ, nên không được chấp nhận.

[10] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Chu Thị L phải chịu án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn chị Chu Thị L và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đều đề nghị được miễn án phí dân sự sơ thẩm với lý do chị Chu Thị L là dân tộc thiểu số, sinh sống tại xã Đ là xã có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn;

căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử cho chị Chu Thị L được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Chị Chu Thị L được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000229 ngày 05/8/2026 tại Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

[12] Nguyên đơn; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 56; Điều 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Chu Thị L được ly hôn với anh Phùng Văn H.

2. Về con chung: Chị Chu Thị L và anh Phùng Văn H có 01 con chung tên là Phùng Thị Mỹ H1, sinh ngày 02/11/2016. Khi ly hôn giao con chung là cháu Phùng Thị Mỹ H1 cho chị Chu Thị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi; anh Phùng Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Phùng Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Công nhận sự thỏa thuận giữa Chị Chu Thị L với bà Hoàng Thị B, cụ thể: Chị Chu Thị L có trách nhiệm trả cho bà Hoàng Thị B số tiền 15.000.000 đồng (Mười năm triệu đồng), bà Hoàng Thị B không yêu cầu chị Chu Thị L phải trả lãi. Xác nhận chị Chu Thị L đã thanh toán xong cho bà Hoàng Thị B (Theo Giấy biên nhận ngày 21/8/2026).

6. Về án phí: Chị Chu Thị L được miễn án toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn. Chị Chu Thị L được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000229 ngày 05/8/2026 tại Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

7. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Chu Thị L, bị đơn anh Phùng Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Hoàng Thị B có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 3 - Lạng Sơn;
- Phòng THADS khu vực 3 - tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã Điềm He, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Ngọc